

Số: /2021/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 30/TTr-SNN ngày 19 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

1. Hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng:

Đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng hoặc được các Ban quản lý rừng giao khoán bảo vệ rừng.

Mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng là 300.000 đồng/ha/năm. Trong đó hỗ trợ chi trực tiếp cho bảo vệ rừng là 290.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ giao khoán quản lý bảo vệ rừng là 10.000 đồng/ha.

2. Hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung:

Đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn được các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ khoán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung.

Mức hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh rừng là 3.000.000 đồng/ha/6 năm (bình quân 500.000 đồng/ha/năm). Trong đó hỗ trợ chi phí lập hồ sơ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh năm đầu là 50.000 đồng/ha.

3. Trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau quy định thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng chỉ được nhận hỗ trợ từ một chính sách mà có lợi nhất cho đối tượng nhận hỗ trợ.

4. Nguồn vốn hỗ trợ:

Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho bảo vệ, phát triển rừng; nguồn ngân sách tỉnh; nguồn vốn khác (sử dụng nguồn thu từ bán cây đứng, thuế tài nguyên rừng, tiền thu từ xử phạt các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp, nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật) và nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác có cùng mục tiêu trên địa bàn, đảm bảo bố trí đủ kinh phí theo kế hoạch để thực hiện ngay từ đầu năm.

Điều 2. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch trung hạn và hàng năm về kinh phí hỗ trợ, khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung theo quy định tại Quyết định này; tổng hợp diện tích rừng thuộc địa phương quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thông báo diện tích rừng cần bảo vệ hàng năm.

Tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách quy định tại Quyết định này và các chính sách liên quan đến các chủ rừng và người dân để nắm, thực hiện. Chỉ đạo, kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định. Hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Chỉ đạo các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng tổ chức thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng trên diện tích rừng được giao quản lý; các Hạt Kiểm lâm tổ chức thực hiện hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên đối với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng; thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí theo dự toán ngay từ đầu năm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân đối nguồn vốn hàng năm và trung hạn trong công tác khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Ủy ban nhân dân các huyện: Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn phối hợp với các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; các Hạt Kiểm lâm tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn quản lý theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2021 và thay thế Quyết định số 29/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Quy định mức hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Ngân sách tỉnh bố trí đủ theo dự toán kinh phí hỗ trợ khoán quản lý bảo vệ rừng ngay từ đầu năm. Trong năm kế hoạch có nguồn vốn Trung ương cấp thì sẽ thu hồi và hoàn trả ngân sách tỉnh theo quy định.

3. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho Bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT(b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND; Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các Đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, KT, KTN, TTTT, TKCT;
- + Luru VT, NN.Thăng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích